

Số: 222/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 28 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- HUẾ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 227/2026/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2026, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Ông Cao Văn M, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Quảng Trị.

2. Bà Hồ Thị Ngọc L, sinh năm: 1997; Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường M, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Văn M và bà Hồ Thị Ngọc L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường M, thành phố H) vào ngày 05/12/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của ông Cao Văn M và bà Hồ Thị Ngọc L trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Cao Văn M và bà Hồ Thị Ngọc L.

[2] Về con chung: Ông Cao Văn M và bà Hồ Thị Ngọc L cùng công nhận: Vợ chồng có một con chung tên Cao Mẫn N, sinh ngày 21/8/2016. Hiện nay cháu Mẫn N đang sống với bà Hồ Thị Ngọc L.

Ông Cao Văn M và bà Hồ Thị Ngọc L yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận về nuôi con: Giao cháu Cao Mẫn N cho bà Hồ Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Cao Văn M tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[3] Về tài sản, nợ chung: Ông Cao Văn M và bà Hồ Thị Ngọc L cùng công nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu là 300.000 đồng lệ phí thuận tình ly hôn. Ông Cao Văn M và bà Hồ Thị Ngọc L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001072 ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Ông Cao Văn M và bà Hồ Thị Ngọc L đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 4 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Văn M và bà Hồ Thị Ngọc L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Cao Mẫn N cho bà Hồ Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Cao Văn M tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Cao Mẫn N đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản, nợ chung: Ông Cao Văn M và bà Hồ Thị Ngọc L cùng công nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu là 300.000 đồng lệ phí thuận tình ly hôn. Ông Cao Văn M và bà Hồ Thị Ngọc L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí, lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001072 ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Ông Cao Văn M và bà Hồ Thị Ngọc L đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1- Huế;
- Phòng THADS Khu vực 1- Huế;
- UBND phường Mỹ Thượng (đăng ký kết hôn số: 93, ngày 05/12/2017)
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hương Lan